

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 25/02/2025

V/v tranh chấp: "Chia tài sản chung của
vợ chồng sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Các Thẩm phán:

1. Bà Lâm Ngọc Tuyền.

2. Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Liêm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thúy Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc tranh chấp "Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 193/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 32/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Trọng K, luật sư thuộc Văn phòng L1, Đoàn luật sư thành phố H (có mặt).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963. Địa chỉ: số E, Đường C, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07/8/2023) (có mặt).

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1937.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1997.

3. Anh Nguyễn Quang V, sinh năm 2005

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Ngọc O và Nguyễn Quang V: Bà **Tạ Kim T**, sinh năm 1963. Địa chỉ: số E, Đường C, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/8/2023) (có mặt)*

4. Bà **Trần Thị Thanh V1**, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ hiện nay: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Ngân hàng TMCP S

Đại diện: Bà **Đặng Thị Trúc L** – Phó Phòng G1. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* *Người kháng cáo:* nguyên đơn Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Thanh H là vợ chồng đã ly hôn theo quyết định của Tòa án, theo đó tài sản chung để ông, bà tự thỏa thuận. Tuy nhiên, bà và ông Nguyễn Thanh H không thỏa thuận được. Nay bà có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đôi các tài sản chung như sau:

- Thửa đất 1597, diện tích 481,2m² tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Thửa đất 420, diện tích 1.257,2m² tọa lạc ấp L, xã N, huyện C, do bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Thửa đất số 28, diện tích 1.955,0m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Thửa đất số 291, diện tích 3.595,4m², tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

- Căn nhà mái thái nằm trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 30 diện tích 2.909,0m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị H1 mẹ ruột ông H đứng tên. Đối với tài sản trong nhà bà không yêu cầu chia và giao hết cho ông H.

Bà yêu cầu được nhận 02 xe máy do bà đứng tên là xe máy hiệu SH mode biển số 63P1-377.60 và xe máy hiệu Wave biển số 63X2-5725. Giao ông H quản lý xe Kozumi, yêu cầu ông H giao xe này lại cho bà G. Các xe khác bà G không tranh chấp, giao hết cho ông H.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh H có đại diện theo ủy quyền bà Tạ Kim T có yêu cầu phản tố:*

Yêu cầu Tòa án xác định thửa đất 291, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.585,4m², tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DK 894896, sổ vào sổ cấp GCN CS 07342, ngày 29/3/2023 cho ông Nguyễn Thanh H đứng tên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân ông H; Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu chia đôi giá trị là 1.000.000.000 đồng, đối với thửa đất số 1597, tờ bản đồ số 02, diện tích 481,2m², tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh

Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ181207, sổ vào sổ GCN: CS00555, so Sổ Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 07/5/2019 cho bà Nguyễn Thị G đứng tên quyền sử dụng đất; Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu chia 1/4 thửa đất đối với thửa đất số 28, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.955,0m² yêu cầu chia làm 04 phần bằng nhau yêu cầu nhận bằng hiện vật, đồng ý giao bà G ¼ giá trị thửa đất với số tiền là 265.000.000đ; Ông Nguyễn Thanh H đồng ý chia cho bà G toàn bộ thửa đất số 420, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.257,2m² tọa lạc ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Sổ Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận ngày 16/3/2022 cho bà Nguyễn Thị G đứng tên, ông H đồng ý giao thửa đất này cho bà G; Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu được chia toàn bộ căn nhà cấp 4 tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang để cha con ông H được ở, tạm tính giá trị khoảng 1.000.000.000đ (Đổi trừ với bà G thửa đất 420); Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu được chia 01 xe cải tiến; 01 xe Ware Alpha biển số 63S6-6312; 01 xe Sirius; 03 chiếc xe này ông H đang quản lý, tạm tính khoảng 20.000.000đ; Ông H đồng ý giao bà G xe máy hiệu SH Mode; Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu chia tiền mặt số tiền 2.100.000.000đ yêu cầu được nhận ½ số tiền là 1.050.000.000đ. Toàn bộ tài sản yêu cầu chia tạm tính khoảng 2.335.000.000đ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền là bà Đặng Thị Trúc L, Phòng G1 trình bày ý kiến tại phiên tòa như sau: ông H, bà G có vay tại Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh T1 – Phòng G1 theo hợp đồng tín dụng số 202126448043, ngày 01/12/2021 hiện ông bà đã trả xong. Hiện tại ông H có vay tiền tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 202327045823, ngày 17/01/2023 nay Ngân hàng cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác, trường hợp sau này ông H có vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trả nợ với Ngân hàng thì ngân hàng sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng 1 vụ kiện khác.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 193/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng vào khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 33, 43, 59 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 205, Điều 212, 213 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H trong thời kỳ hôn nhân gồm: Căn nhà mái thái diện tích 211,13m² kết cấu mái tol, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường có ốp gạch Ceramic 250 x 250 nền lát gạch Ceramic 800 x 800, có trần, có khu phụ, mái thái cửa đi bằng gỗ qui cách nằm trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 30 diện tích 2.909,0m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang của bà Nguyễn Thị H1; Thửa đất số 1597, diện tích 481,2m² tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Thửa đất số 28, diện tích 1.955,0m² do ông Nguyễn Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Giá trị thửa đất số 685, diện tích 244m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

1. Về tài sản chung:

1.1 Chia cho bà Nguyễn Thị G:

- Thửa đất số 1597, diện tích 481,2m² tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (hiện do bà Nguyễn Thị G đang đứng tên)

- Số tiền 234.536.404đ (tiền giá trị chênh lệch ông H hoàn lại).

- Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông H và bà G: bà G được quyền quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu SH mode biển số 63P1-377.60 và 01 xe máy hiệu Wave biển số 63X2-5725; anh H được quyền quản lý, sử dụng 01 xe cải tiến và 01 xe Sirius.

1.2 Chia cho ông Nguyễn Thanh H:

- Căn nhà mái thái diện tích 211,13m² kết cấu mái tol, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường có ốp gạch Ceramic 250 x 250 nền lát gạch Ceramic 800 x 800, có trần, có khu phụ, mái thái cửa đi bằng gỗ qui cách nằm trên thửa đất số 30, tờ bản đồ 30 diện tích 2.909,0m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị H1

- Thửa đất số 28, diện tích 1.955,0m² do ông Nguyễn Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Buộc ông Nguyễn Thanh H trách nhiệm giao trả tiền giá trị chênh lệch cho bà G là 234.536.404 đồng, ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh H.

Công nhận thửa đất số 291, diện tích 3.595,4m², do ông Nguyễn Thanh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền quản lý sử dụng của cá nhân ông Nguyễn Thanh H.

3. Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đình chỉ giải quyết đối với thửa đất 420, diện tích 1.257,2m² tọa lạc ấp L, xã N, huyện C, do bà Nguyễn Thị G đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 12 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn Nguyễn Thị G kháng cáo không đồng ý trả 1.050.000.000 đồng tiền chuyển nhượng thửa 685; yêu cầu xác định thửa 291 diện tích 3.585,4m² là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia đôi.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị G phân tích cho rằng: bà Nguyễn Thị G kháng cáo không đồng ý trả cho ông Nguyễn Thanh H là 1.050.000.000 đồng là tiền bán đất thửa 685 và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định thửa 291 là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu chia đôi.

Đối với số tiền 1.050.000.000 đồng: Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H xác định rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị G chia số tiền 1.050.000.000 đồng và cho rằng đây là tiền mặt để kinh doanh. Ngoài đơn phản tố ngày 20/03/2024, thì ông H không khởi kiện bổ sung một yêu cầu nào khác cụ thể như là yêu cầu chia tài sản số tiền bán đất thửa 685. Bà Nguyễn Thị G cũng không yêu cầu chia thửa 685. Tuy nhiên, bản án cấp sơ thẩm lại xem xét và buộc bà G phải trả số tiền cho ông H là 1.050.000.000 đồng, là vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Hơn nữa, số tiền chuyển nhượng thửa 685, bà G và anh H đều xác định đã sử dụng để trả nợ cho Ngân hàng. Cấp sơ thẩm buộc bà G phải trả cho ông H số tiền 1.050.000.000 đồng và cản trở, nên ông H chỉ giao cho bà G số tiền 243.536.404 đồng là không đúng.

Đối với thửa 291 là tài sản hai vợ chồng mua từ năm 2008, năm 2019 và 2020 có làm ăn mua vay ngân hàng, mỗi lần vay các con phải ký vào, theo yêu cầu của ông H nhờ người làm hồ sơ đề ông H đứng tên vay ngân hàng cho tiện, bà G cứ nghĩ làm vậy để ông H đứng tên, chứ không nghĩ là tặng cho cá nhân tài sản riêng của ông H do bà G hiểu lầm, cho đến khi khởi kiện năm 2023, 2024 thì bà G mới biết đây là tài sản riêng của vợ chồng. Theo như biên bản định giá thửa đất gồm cây trái trên thửa đất này với số tiền

773.539.000 đồng, như vậy việc tặng cho này do bà G không hiểu, tài sản gắn liền với đất không được tặng cho, nên hợp đồng vô hiệu. Do đó, đây là tài sản chung của vợ chồng, bà G yêu cầu chia đôi là hoàn toàn phù hợp. Từ những phân tích trên, căn cứ theo khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà G, sửa lại bản án sơ thẩm, không chấp nhận buộc bà G có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 1.050.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi tài sản là thửa đất 291.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G đối với số tiền 1.050.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu xác định thửa số 291 là tài sản chung của vợ chồng và chia đôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Thị G thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thanh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo.

Nguyên đơn Nguyễn Thị G kháng cáo yêu cầu không đồng ý hoàn lại cho ông Nguyễn Thanh H 1/2 số tiền chuyển nhượng thửa 685 là 1.050.000.000 đồng và yêu cầu xác định thửa 291 diện tích 3.585,4m² là tài sản chung của vợ chồng và bà yêu cầu chia đôi. Các phần khác của bản án sơ thẩm, bà Nguyễn Thị G không kháng cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thanh V1 và Ngân hàng TMCP S vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị G và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu xác định thửa 291, diện tích 3.585,4m² là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia đôi:

Ngày 19/02/2024, ông Nguyễn Thanh H làm đơn đăng ký quyền sử dụng đất thửa 28, diện tích 2.955m² và thửa 291 diện tích 3.585,4m² (bút lục 76).

Năm 2008, hộ ông Nguyễn Thanh H được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01261 ngày 12/5/2008 đối với thửa 291, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.586m² tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (bút lục 81) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01262 ngày 12/5/2008 đối với thửa 28, diện tích 1.955m²

Thời điểm năm 2008, hộ ông Nguyễn Thanh H có 04 thành viên gồm ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị G và 02 người con tên Nguyễn Thị Ngọc O (sinh năm 1997, 11 tuổi) và Nguyễn Quang V (sinh năm 2005, 03 tuổi) (bút lục 315)

Như vậy, thời điểm này hai người con của bà G, ông H còn nhỏ (11 tuổi và 03 tuổi), không có công sức đóng góp gì để tạo lập thửa đất 291, nên có căn cứ xác định đây là tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên, ngày 21/9/2020, bà Nguyễn Thị G đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để tặng cho phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà cho ông Nguyễn Thanh H, được cập nhật biến động ngày 28/9/2020 (bút lục 81). Đến ngày 29/3/2023, ông Nguyễn Thanh H được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS07342 (bút lục 82).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị G thừa nhận việc bà ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa 291 nhưng bà cho rằng do ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bà ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để cá nhân ông Nguyễn Thanh H đứng tên để thuận tiện trong các giao dịch vay vốn tại ngân hàng, ông Nguyễn Thanh H không thừa nhận. Xét thấy, thời điểm xác lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, bà Nguyễn Thị G là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên việc bà G cho rằng bị ông H lừa dối, là không có căn cứ. Bà Nguyễn Thị G cũng không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh ngoài hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 21/9/2020 thì giữa bà và ông Nguyễn Thanh H có lập văn bản thỏa thuận khác về việc sử dụng, định đoạt thửa số 291. Do đó, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 291 và xác định thửa đất 291 là tài sản riêng của ông H, là có căn cứ.

[2.2] Đối với số tiền 1.050.000.000 đồng, xét thấy:

[2.2.1] Tại bản tự khai ngày 05/5/2023, ông Nguyễn Thanh H trình bày bà Nguyễn Thị G đang giữ tổng số tiền mặt 2.100.000.000 đồng gồm các khoản: số tiền 750.000.000 đồng cho người khác vay và đã trả lại cho bà G vào ngày 05/12/2022; số tiền lời trong việc kinh doanh sầu riêng 900.000.000 đồng và số tiền bà G hốt hụi là 450.000.000 đồng (bút lục 67).

Tại đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai ngày 20/3/2024, ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bà Nguyễn Thị G chia $\frac{1}{2}$ tiền mặt vốn kinh doanh là 1.050.000.000 đồng, ông H trình bày nguồn gốc số tiền này là do vay vốn Ngân hàng (bút lục 188-189).

Tại biên bản phiên tòa ngày 29/8/2024, bà Tạ Kim T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thanh H rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị G chia số tiền vốn kinh doanh 2.100.000.000 đồng và phiên tòa ngày 11/9/2024, bà Tạ Kim T, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H xác định giữ nguyên ý kiến trình bày tại phiên tòa ngày 29/8/2024, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ giải quyết phần yêu cầu này của bị đơn Nguyễn Thanh H, là có thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung nội dung này.

[2.2.2] Bản án sơ thẩm buộc bà Nguyễn Thị G chia cho ông Nguyễn Thanh H $\frac{1}{2}$ số tiền chuyển nhượng thửa 685 là 1.050.000.000 đồng, xét thấy:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2023 của bà Nguyễn Thị G thể hiện: bà G yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và tài sản trong nhà, quyền sử dụng đất của các thửa 1597, thửa 420, thửa 291 và thửa 28; không thể hiện tranh chấp thửa 685 hoặc số tiền chuyển nhượng thửa 685 (bút lục 16-18).

Tại đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai ngày 20/3/2024 của ông Nguyễn Thanh H không thể hiện ông H có yêu cầu Tòa án giải quyết chia quyền sử dụng đất của thửa 685 hoặc số tiền chuyển nhượng thửa 685 (bút lục 188-187).

Theo biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải cùng ngày 07/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, bà Tạ Kim T trình bày: “Thửa số 685, bà G đã bán vào năm 2023, ông H yêu cầu chia đôi giá trị” và “tiền vốn kinh doanh, ông H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ số tiền cụ thể là 1.050.000.000 đồng, yêu cầu bà G giao lại” (bút lục 199-204). Như vậy, số tiền mặt vốn kinh doanh và số tiền chuyển nhượng thửa 685, là hai khoản tiền khác nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tạ Kim T, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thanh H xác định việc yêu cầu chia số tiền 2.100.000.000 đồng chuyển nhượng của thửa 685 chỉ được bà trình bày trong phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Nguyễn Thanh H không có yêu cầu khởi kiện bổ sung và cũng không nộp tạm ứng án phí cho yêu cầu này.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia số tiền chuyển nhượng 2.100.000.000 đồng của thửa 685, là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy và đình chỉ giải quyết nội dung này của Tòa án cấp sơ thẩm. Các đương sự có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác. Do bản án sơ thẩm cản trở nghĩa vụ hoàn lại số tiền 1.050.000.000 đồng của bà G khi giải quyết chia tài sản chung đối với các tài sản khác, nên Hội đồng xét xử xác định lại việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H cho phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H như sau:

[3.1] Bà Nguyễn Thị G được quyền sử dụng thửa đất số 1597, tờ bản đồ số 02, diện tích 481,2m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS000555 ngày 07/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị G có giá trị là 1.400.000 đồng/m² x 481,2m² = 673.680.000 đồng. Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ cho ông Nguyễn Thanh H là 336.840.000 đồng.

[3.2] Ông Nguyễn Thanh H được chia các tài sản gồm:

+ Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.955m² đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01262 ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh H trị giá 542.000 đồng/m² x 1.955,0m² = 1.059.610.000 đồng và cây trồng trên thửa 28 gồm 42 cây sầu riêng loại B2; 98 cây mít loại B1; 22 cây bưởi loại C; 55 bụi chuối loại 3 có tổng giá trị là 366.098.000 đồng. Tổng cộng giá trị đất và cây trồng của thửa đất 28 là 1.425.708.000 đồng. Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị đất và cây trồng cho bà Nguyễn Thị G là 712.854.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh H được quyền sở hữu 01 căn nhà diện tích 211,13m² kết cấu mái tol, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường có ốp gạch Ceramic 250 x 250; nền lát gạch Ceramic 800 x 800, có trần, có khu phụ, mái thái; cửa đi bằng gỗ qui cách có giá trị 819.370.768 đồng; mái che diện tích 126,40m² trị giá 77.963.520 đồng; hàng rào diện tích 126,40m² trị giá 74.171.520 đồng. Tổng cộng nhà và các công trình trên đất là 971.505.808 đồng. Như vậy, ông H nên có nghĩa vụ hoàn trả $\frac{1}{2}$ giá trị cho bà G là 485.752.904 đồng.

Đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 30, tờ bản đồ 30, diện tích 2.909,0m² tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà Nguyễn Thị H1 mẹ ruột ông H đứng tên và cây trồng trên đất, bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H không tranh chấp.

+ Cây trồng trên thửa 291, diện tích 3.595,4m² gồm 150 cây mít loại B2 trị giá 194.700.000 đồng; 27 cây sầu riêng loại B1 trị giá 297.486.000 đồng; 61 cây sầu riêng loại B2 trị giá 256.200.000 đồng; 01 cây sầu riêng loại C trị giá 500.000 đồng; 03 cây sầu riêng loại D trị giá 13.653.000 đồng; 05 cây dừa loại A trị giá 11.000.000 đồng, tổng giá trị cây trồng là 773.539.000 đồng. Do xác định thửa 291, diện tích 3.595,4m² là tài sản riêng của ông Nguyễn Thanh H, nên ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị G $\frac{1}{2}$ giá trị cây trồng là 386.759.500 đồng.

Tổng cộng, ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị G là 712.854.000 đồng + 485.752.904 đồng + 386.759.500 đồng = 1.585.366.404 đồng (làm tròn 1.585.366.000 đồng).

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G đối với số tiền 1.050.000.000 đồng, sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét, đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị G là có căn cứ một phần.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Thanh H được chia tài sản có tổng giá trị là 336.840.000 đồng (thửa 1597) + 712.854.000 đồng (thửa 28 và cây trồng) + 485.752.904 đồng (nhà) + 386.759.500 đồng (cây trồng thửa 291) = 1.922.206.404 đồng, nên mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 69.666.192 đồng (làm tròn 69.666.000 đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 147, Điều 159, 166, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 33, 43 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 205, Điều 212, 213 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 193/2024/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

1. Hủy và đình chỉ phần giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự đối với số tiền 2.100.000.000 đồng chuyển nhượng thửa 685 của bản án sơ thẩm.

2. Đình chỉ giải quyết đối với thửa đất 420, tờ bản đồ số 27, diện tích 1.257,2m² đất trồng cây lâu năm tại ấp L, xã N, huyện C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS06416 ngày 20/01/2022 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị G.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu chia số tiền mặt vốn kinh doanh là 2.100.000.000 đồng.

4. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.

4.1 Xác định tài sản chung của bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Thanh H trong thời kỳ hôn nhân yêu cầu giải quyết gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 1597, tờ bản đồ số 02, diện tích 481,2m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS000555 ngày 07/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị G;

- Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.955m² đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01262 ngày 12/5/2008 của UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh H và cây trồng trên thửa 28 gồm 42 cây sầu riêng loại B2; 98 cây mít loại B1; 22 cây bưởi loại C; 55 bụi chuối loại 3;

- 01 căn nhà diện tích 211,13m² kết cấu mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường có ốp gạch Ceramic 250 x 250; nền lát gạch Ceramic 800 x 800, có trần, có khu phụ, mái thái; cửa đi bằng gỗ qui cách; mái che diện tích 126,40m²; hàng rào diện tích 126,40m².

- Cây trồng trên thửa 291, diện tích 3.595,4m² gồm 150 cây mít loại B2; 27 cây sầu riêng loại B1; 61 cây sầu riêng loại B2; 01 cây sầu riêng loại C; 03 cây sầu riêng loại D; 05 cây dừa loại A;

4.2 Bà Nguyễn Thị G được chia quyền sử dụng đất thửa số 1597, tờ bản đồ số 02, diện tích 481,2m² đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS000555 ngày 07/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Nguyễn Thị G.

Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ hoàn tại cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 336.840.000 đồng (Ba trăm ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng).

4.3 Ông Nguyễn Thanh H được chia các tài sản gồm:

- 01 căn nhà diện tích 211,13m² kết cấu mái tole, kèo gỗ, cột bê tông cốt thép, vách tường có ốp gạch Ceramic 250 x 250; nền lát gạch Ceramic 800 x 800, có trần, có khu phụ, mái thái; cửa đi bằng gỗ qui cách; mái che diện tích 126,40m²; hàng rào diện tích 126,40m².

- Quyền sử dụng đất thửa số 28, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.955m² đất trồng cây lâu năm tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01262 ngày 12/5/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh H và cây trồng trên thửa 28 gồm 42 cây sầu riêng loại B2; 98 cây mít loại B1; 22 cây bưởi loại C và 55 bụi chuối loại 3.

- Cây trồng trên thửa 291, diện tích 3.595,4m² gồm 150 cây mít loại B2; 27 cây sầu riêng loại B1; 61 cây sầu riêng loại B2; 01 cây sầu riêng loại C; 03 cây sầu riêng loại D; 05 cây dừa loại A.

Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn cho bà Nguyễn Thị G số tiền 1.585.365.000 đồng (Một tỷ năm trăm tám mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng)

5. Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị G: bà Nguyễn Thị G được quyền quản lý, sử dụng 01 xe máy hiệu SH mode biển số 63P1-

377.60 và 01 xe máy hiệu Wave biển số 63X2-5725; ông Nguyễn Thanh H được quyền quản lý, sử dụng 01 xe cải tiến và 01 xe Sirius.

6. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký biến động đất đai hoặc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Nguyễn Thị G số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng)

8. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

9. Về án phí:

9.1 Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị G không phải nộp án phí phúc thẩm. Bà đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016839 ngày 16/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên được hoàn lại 300.000 đồng.

9.2 Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị G phải nộp 69.666.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 48.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017499 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên phải nộp tiếp 21.666.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh H phải nộp 69.666.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm. Ông đã nộp 39.350.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002509 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, nên còn phải nộp 30.316.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện Cai Lậy;
 - Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
 - Các đương sự;
 - Cổng thông tin điện tử;
 - Lưu hồ sơ vụ án.
- HNGĐ-PT-2025-Tâm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Tâm

